

CÔNG TY CỔ PHẦN APH GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN APH GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109335276

3. Ngày thành lập: 09/09/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 114 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0338169889

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
2.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
3.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
4.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
5.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
6.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Loại trừ thuốc lá ngoại	4711
7.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi; Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy, và xe có động cơ khác	4931
8.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
9.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	4933
10.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
11.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
17.	Đại lý du lịch	7911
18.	Điều hành tua du lịch	7912
19.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Loại trừ: - Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng - Hoạt động trung gian tiền tệ - Hoạt động công ty nắm giữ tài sản	6619
20.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
21.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
22.	Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm)	3830
23.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa	4610
24.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Kinh doanh dược liệu - Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc	4649
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
26.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc	4772
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
28.	In ấn	1811
29.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
30.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
31.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
32.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
33.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
34.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
35.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
36.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
37.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
38.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079

39.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
40.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
41.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
42.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
43.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
44.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Loại trừ kinh doanh quán Bar	5630
45.	Phá dỡ	4311
46.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
47.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
48.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
49.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
51.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
54.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
55.	Xây dựng nhà để ở	4101
56.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101(Chính)
57.	Xây dựng nhà không để ở	4102
58.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
59.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
60.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
61.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
62.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
63.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm thuốc lá ngoại)	4724
64.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
65.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312
66.	Hoạt động thể thao khác	9319
67.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

68.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Loại trừ hoạt động của các nhà báo độc lập	9000
69.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
70.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
71.	Hoạt động hậu kỳ	5912
72.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
73.	Hoạt động chiếu phim	5914
74.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
75.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
76.	Xây dựng công trình thủy	4291
77.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
78.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
79.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
80.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng - Giám sát thi công xây dựng - Kiểm định xây dựng - Định giá xây dựng	7110
81.	Quảng cáo Loại trừ quảng cáo thuốc lá	7310
82.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Loại trừ hợp báo	8230

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THANH PHONG	Số 110 nhà 6 TT ĐH Thủy Lợi, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	001087032154	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		
2	VŨ HOÀNG THANH THANH HẰNG	Căn 4B Nhà E TT QĐ K93 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	025189001334	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		

3	VŨ ĐỨC ANH	Số 7, Ngõ 933 Hồng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	012623462	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THANH PHONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 11/01/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087032154

Ngày cấp: 21/11/2019

Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính
về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 110 nhà 6 TT ĐH Thủy Lợi, Phường Trung Liệt,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 110 nhà 6 TT ĐH Thủy Lợi, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: VŨ HOÀNG THANH THANH HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/12/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 025189001334

Ngày cấp: 21/11/2019

Nơi cấp: *Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính
về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Căn 4B Nhà E TT QĐ K93 Hoàng Hoa Thám, Phường
Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn 4B Nhà E TT QĐ K93 Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê,
Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội